TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC TRỌNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 278/2022/QĐST-HNGĐ	*Đức Trọng, ngày 16 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 410/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022, về việc *"Ly hôn"*, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Nam T**, sinh năm 1980; Trú tại: Số A, thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông **Võ Xuân H**, sinh năm 1976; Trú tại: Số B, đường T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 58, Điều 81, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án Dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2022 là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Nam T và ông Võ Xuân H đều có yêu cầu thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Nam T và ông Võ Xuân H**.**

2.2 Về con chung: Bà T và ông H thỏa thuận việc nuôi con chung như sau: Ông H nuôi 2 con chung tên Võ Tuấn H1, sinh ngày 30/10/2006 và Võ Tuấn T1, sinh ngày 23.03.2009 cho đến ngày con chung thành niên.

Về cấp dưỡng: Bà T cấp dưỡng nuôi con chung với mức 3.000.000đ/tháng, bắt đầu từ tháng 12/2022 cho đến con thành niên.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án,bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

2.3. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Nam T nhận nộp toàn bộ án phí xin ly hôn 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo luật định; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo phiếu thu số 0008137 ngày 03.10.2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Trọng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THA dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- VKS huyện ĐT;
- Thi hành án huyện ĐT;
- UBND xã T;
- UBND TT L;
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Phạm Yến Như